

Số: 259/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt đồ án quy hoạch chung
đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 453/BXD-QHKT ngày 24/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến đồ án quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, phát triển đô thị và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kết luận số 1912-KL/TU ngày 09/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn;

Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XVII) về nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, phát triển đô thị và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII); Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 54/TTr-SXD ngày 04/6/2025 về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đề án: Quy hoạch chung đô thị mới Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Địa điểm, vị trí phạm vi ranh giới:

- Địa điểm: Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
- Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Trung Môn, huyện Yên Sơn với tổng diện tích tự nhiên 1.195,06 ha.
- Ranh giới tiếp giáp:
 - + Phía Bắc giáp thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn;
 - + Phía Đông giáp thành phố Tuyên Quang;
 - + Phía Tây giáp xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn;
 - + Phía Nam giáp xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang.

3. Tính chất:

- Là đô thị mới loại V trực thuộc tỉnh Tuyên Quang. Là đô thị vệ tinh của đô thị động lực đóng vai trò kết nối giữa các đô thị trong tỉnh và các vùng lân cận.
- Là đô thị phát triển dịch vụ du lịch, giáo dục đào tạo, công nghiệp chế biến. Đồng thời đô thị mới Trung Môn sẽ góp phần giảm tải áp lực về quỹ đất xây dựng, mật độ dân cư cho thành phố Tuyên Quang, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:

4.1. Quy mô dân số

- Năm 2030: Dân số toàn đô thị khoảng: 16.000 người, trong đó dân số khu vực trung tâm đô thị: 11.000 người.

- Năm 2045: Dân số toàn đô thị khoảng: 21.000 người, trong đó dân số khu vực trung tâm đô thị: 15.000 người.

4.2. Quy mô đất đai đô thị theo giai đoạn:

- Đến năm 2030: Quy mô đất xây dựng trung tâm đô thị khoảng 275 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 112 - 160 ha.

- Đến năm 2045: Quy mô đất xây dựng trung tâm đô thị khoảng 370 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 147 - 210 ha.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được và hướng phát triển đô thị:

5.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu đề án đạt được	Chỉ tiêu đô thị loại V
I	Chỉ tiêu đất dân dụng	m²/ người	133,73	70-100
1	Đất đơn vị ở	m ² /người	64,98	45 - 55
2	Đất công trình công cộng dịch vụ đô thị	m ² /người	15,41	3 – 5
3	Đất giáo dục (Trường trung học phổ thông)	m ² /học sinh	26,30	≥ 10
4	Đất y tế (Trung tâm y tế cấp đô thị)	m ² /giường bệnh	107,14	≥ 100
5	Sân vận động	m ² /người	1,19	≥ 0,8
6	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	ha/công trình	3,2	≥ 3,0
7	Đất Thương mại (Chợ)	ha/công trình	2.93	≥ 1,0
8	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	5,78	≥ 4
9	Đất giao thông đô thị	% đất xây dựng đô thị	13,13	≥ 13
II	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
1	Mật độ đường tính đến đường cấp khu vực	km/km ²	4,2	4 - 8
2	Diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị	m ² /người	2,7	≥ 2,5
3	Cấp nước sinh hoạt	l/người/ngày đêm	100	80 - 100
4	Cấp nước công trình công cộng	% cấp nước sinh hoạt	10	≥ 10
5	Cấp nước công trình sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	m ³ /ha/ngày đêm	20	≥ 20
6	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	3,7	2,5 - 3
7	Lưu lượng nước thải toàn đô thị	% chỉ tiêu cấp nước	100	≥ 80
8	Lượng chất thải rắn phát sinh	Kg/người - ngày	0,8	0,8
9	Phụ tải điện sinh hoạt	W/người	330	200 - 330
10	Cấp điện cơ quan, công trình công cộng	% phụ tải điện sinh hoạt	30	30
11	Quy mô nghĩa trang tập trung	ha/1000 dân	0,28	0,04

5.2. Mô hình phát triển đô thị:

a. Định hướng phân bố hệ thống trung tâm:

- Điều chỉnh phân bố các cơ sở kinh tế nhằm cụ thể hóa các chiến lược phát triển kinh tế trên địa bàn đô thị. Các ý đồ điều chỉnh gồm:

+ Hình thành các trung tâm phát triển dọc theo tuyến đường động lực phát triển vùng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế toàn xã và khu vực lân cận.

+ Hình thành các trục - hành lang kinh tế liên kết các trung tâm, tạo sự phát triển liên tục cho đô thị.

b. Định hướng khung giao thông đô thị:

- Các đơn vị ở hình thành, tập trung đông đúc ở khu vực trung tâm, dọc theo tuyến đường trục phát triển đô thị và tuyến đường Quốc lộ 2.

- Mở rộng tuyến đường kết nối từ cao tốc đến trung tâm đô thị, tạo động lực phát triển cho khu vực.

- Mở rộng tuyến đường Quốc lộ 2 theo định hướng quy hoạch cấp trên.

- Mở rộng các tuyến đường giao thông nội bộ, tăng khả năng kết nối giữa các đơn vị ở và khu vực trung tâm.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

Tổng diện tích đất đai toàn đô thị là 1.195,06 ha, Định hướng:

* Đến năm 2030:

- Diện tích đất dân dụng khoảng 228,91 ha, chiếm 19,15% tổng diện tích đất tự nhiên, đạt chỉ tiêu 143,07 m²/người.

- Diện tích đất ngoài dân dụng khoảng 214,13 ha, chiếm 17,91% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 752,02 ha, chiếm 62,94% tổng diện tích đất tự nhiên.

* Đến năm 2045:

- Diện tích đất dân dụng khoảng 280,83 ha, chiếm 23,50% tổng diện tích đất tự nhiên, đạt chỉ tiêu 133,73 m²/người.

- Diện tích đất ngoài dân dụng khoảng 229,88 ha, chiếm 19,23% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 684,35 ha, chiếm 57,27% tổng diện tích đất tự nhiên.

BẢNG CƠ CẤU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

STT	Loại đất	Hiện trạng			Ngắn hạn 2030			Dài hạn 2045			
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² / người)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² / người)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² / người)	Tỷ lệ (%)	Tăng(+) /Giảm(-)
	TỔNG	1.195,06			1.195,06			1.195,06			
I	Đất xây dựng	204,11		17,08	443,89		37,14	517,19		43,28	313,08
				100%			100%			100%	
I.1	Đất dân dụng	102,38		50,16	228,91	143,60	51,67	287,31	133,73	55,55	184,93
1.1.1	Đất nhóm nhà ở	84,98		41,63	118,23	73,89	26,63	136,46	64,98	26,38	51,48
1.1.2	Đất hỗn hợp	-		-	9,30		2,10	16,25		3,14	16,25
1.1.3	Đất giáo dục	6,81		3,34	8,46		1,91	8,80		1,70	1,99
1.1.4	Đất dịch vụ công cộng đô thị	3,08		1,51	32,37	20,23	7,29	32,37	15,41	6,26	29,29
1.1.5	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	1,45		0,71	5,81		1,31	5,81		1,12	4,36
1.1.6	Đất cây xanh đô thị	-		-	12,14	7,59	2,73	12,14	5,78	2,35	12,14
1.1.7	Đất giao thông đô thị	-		-	35,89		8,09	67,92		13,13	67,92
1.1.8	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	6,06		2,97	7,56		1,70	7,56		1,46	1,50
I.2	Đất ngoài dân dụng	107,73		49,84	214,13		48,24	229,88		44,45	128,15
1.2.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	7,76		3,80	16,47		3,71	16,47		3,18	8,71
1.2.2	Đất trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	12,09		5,92	23,68		5,33	31,38		6,07	19,29
1.2.3	Đất quốc phòng	24,78		12,14	25,16		5,67	25,16		4,86	0,38
1.2.4	Đất an ninh	-		-	1,05		0,24	1,05		0,20	1,05
1.2.5	Đất dịch vụ du lịch	-		-	28,95		6,52	28,95		5,60	28,95
1.2.6	Đất cây xanh chuyên dụng	-		-	25,79		5,81	25,79		4,99	25,79
1.2.8	Đất tôn giáo, di tích	0,15		0,07	0,26		0,06	0,26		0,05	0,11
1.2.9	Đất giao thông đối ngoại	45,01		22,05	60,06		13,53	68,11		13,17	23,10
1.2.10	Hạ tầng kỹ thuật khác	11,94		5,85	32,71		7,37	32,71		6,32	20,77
II	Đất nông nghiệp và chức năng khác	990,95		82,92	751,17		62,86	677,87		56,72	-313,08
				100%			100%			100%	
2.1	Đất sản xuất nông nghiệp	626,35		63,21	398,454		53,04	342,24		50,49	-284,11
2.2	Đất rừng sản xuất	259,14		26,15	247,65		32,97	234,98		34,66	-24,16
2.3	Nuôi trồng thủy sản	40,54		4,09	32,63		4,34	21,52		3,17	-19,02
2.4	Mặt nước, sông, suối, ao, hồ	64,92		6,55	72,44		9,64	79,13		11,67	14,21

7. Định hướng phân khu các khu vực phát triển:

Định hướng phát triển đô thị thành 03 phân vùng, đảm bảo phù hợp với điều kiện, tiềm năng phát triển của từng vùng, cụ thể như sau:

7.1. Phân khu 1 - Phân khu trung tâm:

- Là khu trung tâm các cơ quan hành chính, văn hoá, y tế, thể thao, giáo dục của đô thị Trung Môn. Bên cạnh đó là các công trình dịch vụ công cộng, tổ hợp trung tâm dịch vụ du lịch, thương mại và khu đô thị mới kết hợp với công viên, cây xanh cảnh quan.

- Định hướng phát triển khu vực:

+ Bố trí các chức năng hành chính, văn hoá, y tế, thể thao và khu công cộng đô thị tại các trục chính đô thị, đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ công cho cư dân đô thị. Ngoài ra, đây là khu vực phụ trợ, giảm tải áp lực hạ tầng cho đô thị xung quanh với các công trình quy mô cấp tỉnh, cấp huyện (Trường Đại học Tân Trào, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tuyên Quang,...).

+ Hình thành các đô thị mới, khu nhà ở đô thị bám theo trục phát triển đô thị đảm bảo đồng bộ với cảnh quan, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hiện có.

+ Mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường đại học Tân Trào đảm bảo điều kiện đáp ứng quy mô trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của tỉnh và khu vực miền núi phía Bắc theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

+ Cải tạo, nâng cấp các cơ sở hạ tầng xã hội hiện hữu, quy hoạch bổ sung các công trình hạ tầng xã hội (trường THPT, trường mầm non, trung tâm văn hóa, thể dục thể thao,...) để đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

+ Đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Trung Môn đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường, ưu tiên thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp lĩnh vực chế biến, chế tạo. Giải quyết vấn đề việc làm, tạo thu nhập ổn định cho lao động địa phương, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu và xây dựng các khu ở mới đồng bộ về hạ tầng, khuyến khích gìn giữ và phát huy các hình thức kiến trúc đặc trưng tạo nên giá trị cho đô thị.

7.2. Phân khu 2 - Phân khu phát triển nông nghiệp:

- Là vùng ưu tiên phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, các chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và kết hợp du lịch.

- Định hướng phát triển khu vực:

+ Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gia tăng giá trị các sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân.

+ Hình thành các khu dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, ứng dụng các giải pháp công nghệ cao trong quá trình sản xuất - thu gom - vận chuyển - phân phối sản phẩm được tối ưu hoá để gia tăng giá trị kinh tế cho khu vực.

+ Ngoài ra, bố trí các quỹ đất hình thành tuyến đường quy hoạch mới (đường kết nối cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) để thu hút các nhà đầu tư dự án phát triển đô thị.

7.3. Phân khu 3 - Phân khu phát triển du lịch:

- Là khu vực ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái gắn với khai thác cảnh quan thiên nhiên địa phương như du lịch hồ Ngòi Là, đập Trung La,... Ngoài ra bảo vệ hệ sinh thái kết hợp khai thác thủy sản địa phương.

- Định hướng phát triển khu vực:

+ Phát triển đa dạng các loại hình du lịch trên cơ sở phát huy giá trị văn hoá, bản sắc dân tộc, khai thác những lợi thế cảnh quan thiên nhiên, các khu dân cư văn hóa, điểm du lịch có giá trị trên địa bàn.

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu cùng với việc hình thành các chức năng công cộng, thương mại, dịch vụ, các khu ở mới kết hợp dịch vụ, quảng bá văn hoá,... để thu hút du khách tới tham quan, trải nghiệm và lưu trú,... gia tăng giá trị cho khu vực và phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

+ Định hướng hình thành khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng kết hợp du lịch bao gồm các công trình thương mại dịch vụ, phát triển du lịch sinh thái kết hợp ở có mật độ lưu trú thấp gắn với bảo tồn thiên nhiên phục vụ nhu cầu du lịch, sinh sống của người dân địa phương và du khách trong và ngoài nước với không gian kiến trúc văn minh, hiện đại, phù hợp với cảnh quan của khu vực.

8. Phạm vi, quy mô các khu chức năng đô thị:

8.1. Khu cải tạo, chỉnh trang: Bao gồm toàn bộ hệ thống các công trình thương mại dịch vụ, giáo dục, y tế, nhóm nhà ở bám theo trục đường Quốc lộ 2 quy mô khoảng 208,05 ha. Cụ thể:

- Khu thương mại dịch vụ, công cộng: Các công trình dịch vụ công cộng, văn hóa, giáo dục, y tế,... hiện hữu sẽ được cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và phát triển mở rộng quy mô đảm bảo phục vụ nhu cầu, đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Khu dân cư hiện hữu, cải tạo chỉnh trang: Các khu dân cư hiện hữu hiện nay đang tập trung mật độ cao xung quanh khu trung tâm, sẽ được cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phát triển mở rộng ra xung quanh thành nhóm ở đô thị, phục vụ nhu cầu giãn dân tại chỗ. Các khu dân cư mật độ thấp gắn với hoạt động sản xuất, nhà vườn giữ nguyên hiện trạng, định hướng thành đất dự trữ phát triển đô thị trong giai đoạn dài hạn. Đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư gây ô nhiễm sẽ chuyển đổi chức năng quy hoạch sản xuất tập trung ra ngoài khu dân cư tập trung.

8.2. Khu vực phát triển mới: Quy mô khoảng 370,40 ha.

- Khu vực trung tâm đô thị: Phát triển tập trung về phía Bắc đô thị, bám theo các trục đường phát triển hiện hữu (đường Quốc lộ 2, đường trục phát triển thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn) với hệ thống các công trình công cộng đô thị như: Trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa, trung tâm thể dục thể thao, giáo dục, cây xanh,...

- Khu vực dân cư đô thị mới: Gắn với phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch lấp đầy các không gian đất xen kẹt, đồng bộ công trình nhà ở.

- Các khu vực chuyên dụng:

+ Khu vực phát triển dịch vụ du lịch: Gồm các khu du lịch gắn với cảnh quan đặc trưng như: Hồ Ngòi Là,... Khu vực khai thác lợi thế về cảnh quan, tổ chức không gian lưu trú, trải nghiệm gắn với giáo dục môi trường, bảo tồn và phát triển hình ảnh địa phương.

+ Khu vực phát triển cụm công nghiệp: Phát triển cụm công nghiệp Trung Môn quy mô khoảng 15 ha tại khu vực phía Bắc của đô thị phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

+ Khu vực sản xuất nông nghiệp: Khoanh vùng phát triển nông nghiệp tập trung, là nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất chế biến nông sản.

8.3. Khu bảo tồn, phát huy giá trị:

- Khu vực rừng sản xuất: Diện tích rừng khoảng 234,98 ha. Đây là khu vực có hệ sinh thái tự nhiên đa dạng, mật độ cây xanh lớn,... Cần được khoanh vùng quản lý bảo vệ chặt chẽ, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật bảo vệ và phát triển rừng để nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Không khai thác xây dựng công trình trong khu vực bảo vệ.

- Khu vực hành lang ven suối: Cải tạo, kè bờ suối, các khu vực tiêu thoát nước, tôn tạo đảm bảo hành lang ven suối tối thiểu 10m tính từ mép bờ đối với đoạn suối chảy qua đô thị, khu dân cư tập trung và tối thiểu 5m tính từ mép bờ đối với đoạn không chảy qua khu dân cư tập trung.

8.4. Khu vực hạn chế xây dựng, cấm xây dựng:

- Khu vực cấm xây dựng:

+ Khu vực hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, năng lượng,... và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

+ Công trình ở khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, trừ công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này.

- Khu vực hạn chế xây dựng:

+ Các khu vực sản xuất nông lâm nghiệp;

+ Các khu vực cây xanh, mặt nước;

+ Các khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh;

+ Các khu vực bảo vệ cảnh quan địa hình tự nhiên;

+ Khu vực có nguy cơ thiên tai;

+ Các khu vực cách ly, khu vực hành lang an toàn đối với: Khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường, nghĩa trang, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình thủy lợi, công trình năng lượng.

+ Các khoảng cách ly đối với cụm công nghiệp, nhà máy xí nghiệp cần có khoảng cách tối thiểu theo quy định.

+ Các vị trí xây dựng gần công trình quốc phòng và khu quân sự phải đảm bảo an toàn hành lang bảo vệ theo quy định.

9. Định hướng phát triển không gian và quy hoạch khu chức năng:

** Trung tâm hành chính:*

- Hình thành trung tâm hành chính mới nằm trên trục đường phát triển từ thành phố Tuyên Quang đi thị trấn Yên Sơn với diện tích khoảng 2,0 ha. Xây dựng công trình trụ sở làm việc mới đáp ứng theo tiêu chí đô thị loại V.

** Trung tâm y tế:*

- Trạm y tế (hiện trạng) quy mô khoảng 0,25 ha, tiếp tục nâng cấp cải tạo công trình và khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị khám chữa bệnh chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cho người dân.

- Quy hoạch mới trung tâm y tế quy mô khoảng 0,65 ha, vị trí tại khu vực trung tâm đô thị mở rộng, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, đảm bảo quy mô giường bệnh phục vụ cho đô thị trong giai đoạn mới.

** Trung tâm giáo dục:*

- Trường trung học phổ thông Xuân Huy: Quy mô khoảng 2,21 ha, đã đảm bảo bán kính phục vụ và quy mô đáp ứng cho nhu cầu đô thị tại thời điểm hiện nay và theo quy hoạch. Xây dựng cơ sở vật chất giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy tại địa phương.

- Trường Đại học Tân Trào: Nâng cấp cơ sở hạ tầng để trở thành trung tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và cung ứng dịch vụ của khu vực.

** Trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch:*

- Hình thành cụm công trình thương mại dịch vụ trên trục đường phát triển đô thị với quy mô khoảng 13,50 ha, góp phần giao thương sản phẩm hàng hóa địa phương với các khu vực lân cận. Các điểm thương mại dịch vụ tại trung tâm đơn vị ở có quy mô đảm bảo theo tiêu chuẩn, hoạt động đa chức năng cả về kinh

doanh hàng hóa và kinh doanh dịch vụ như: chợ, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, buôn bán hàng hóa, hội chợ triển lãm,...

- Trung tâm dịch vụ du lịch khác: Khai thác cảnh quan sinh thái ven hồ Ngòi Là và cảnh quan các khu dân cư văn hóa, hình thành khu đô thị nghỉ dưỡng có quy mô khoảng 30 ha.

* *Trung tâm văn hóa - Thể dục thể thao*: Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao: Được quy hoạch trên trục đường chính đô thị tại khu vực trung tâm đô thị với quy mô khoảng 5,70 ha. Là khu vực tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, hội nghị, hội thi, hội diễn, triển lãm nghệ thuật và các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí, tổ chức chương trình đào tạo, huấn luyện thể thao tại địa phương.

* *Công viên, cây xanh và không gian mở*:

- Đất cây xanh đô thị có diện tích khoảng 12,14 ha; Trong đó:

+ Xây dựng công viên hồ điều hòa cấp đô thị ở phía Tây của đô thị, tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu và các đơn vị ở mới. Là không gian công viên với hồ điều hòa lớn, giúp cân bằng hệ sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư. Bên cạnh đó hồ điều hòa còn có nhiệm vụ trữ nước trong mùa khô, mùa mưa ngăn nước tràn vào khu vực đô thị, giảm ngập úng cục bộ.

+ Hệ thống công viên, cây xanh, quảng trường, vườn hoa: Là không gian tại khu tập trung dân cư nhằm mục đích phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi giải trí, cải tạo môi trường sống cho dân cư đô thị.

- Đất cây xanh chuyên dụng có diện tích khoảng 25,80 ha. Bao gồm hệ thống cây xanh cảnh quan ven suối, công viên chuyên đề liên kết với dòng chảy của suối tạo nên hành lang xanh, đất cây xanh cách ly, vùng đệm của đô thị có tác dụng điều hòa mực nước ngầm, chống xói mòn ven suối.

- Không gian mặt nước có diện tích khoảng 101,00 ha; bao gồm hồ, ao, đầm, mặt nước, suối, khe.

10. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan và thiết kế đô thị:

10.1. Tổ chức không gian các khu trung tâm:

- Đối với trung tâm hành chính, sẽ được mở rộng và cải tạo nâng cấp, với tổ hợp các công trình hiện đại và đồng nhất về hình khối và màu sắc, tầng cao tối đa 7 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%, khuôn viên khu trung tâm hành chính với hệ thống cây xanh vườn hoa và tiện ích đồng bộ.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao được quy hoạch trên trục đường chính đô thị, tại khu vực trung tâm đô thị mở rộng, ngoài phục vụ nhu cầu thể dục thể thao cho người dân khu vực, cũng là nơi tổ chức các sự kiện quan trọng của khu vực. Với các công trình sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, nhà văn hóa đa năng, nhà TDTT,... bố cục hài hòa với khuôn viên cây xanh, vườn hoa. Tại khu vực trung tâm đô thị mới cần hình thành kiến trúc cảnh quan đẹp, có điểm nhấn, tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Trung tâm y tế: Cải tạo, chỉnh trang trạm y tế hiện trạng và quy hoạch mới trung tâm y tế vị trí tại khu vực trung tâm đô thị mở rộng. Không chế tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ thương mại, chợ: Các công trình trên trục đường phát triển được xây dựng tầng cao từ 1-3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%. Khu chợ đáp ứng tiêu chuẩn về xây dựng chợ và đảm bảo vệ sinh môi trường, tổ chức thành nhiều gian lớn để bán hàng kết hợp với cây xanh cảnh quan. Đặc biệt, tại khu vực trung tâm thương mại bố trí công trình biểu tượng điểm nhấn mang tính đặc trưng khu vực.

10.2. Tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị:

Không gian cửa ngõ phía Tây Bắc và phía Đông Nam tuyến đường QL.2 và đường động lực phát triển vùng: Là không gian cửa ngõ chính của đô thị, hướng tiếp cận và là điểm nhận diện đặc trưng. Không gian cửa ngõ được thiết kế nổi bật với chiều cao, màu sắc tươi sáng, nổi bật tạo hiệu ứng thị giác mạnh mẽ.

10.3. Tổ chức không gian điểm nhấn đô thị:

- Vị trí tổ chức các công trình điểm nhấn là những vị trí có cảnh quan đẹp, đón các tầm nhìn, hướng nhìn chính trong đô thị.

- Đối với các khu vực tổ chức công trình điểm nhấn, công trình xây dựng cần có khoảng lùi nhất định tạo không gian phía trước công trình. Hình thức công trình điểm nhấn là công trình tượng trưng cho hình ảnh đô thị hiện đại, thịnh vượng, công trình văn hóa, có giá trị tinh thần đặc trưng của khu vực hoặc là các không gian mở công cộng dạng vườn hoa, quảng trường.

- Đảm bảo kiến trúc đô thị có sự hài hòa, chuyển tiếp khéo léo giữa các loại hình thương mại, dịch vụ, nhà ở, công nghiệp.

- Các quần thể công trình kiến trúc tạo sự đa dạng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của từng khu vực.

- Quan tâm quản lý chất lượng các công trình.

- Kết hợp hài hòa các biển hiệu kinh doanh và các biển quảng cáo.

10.4. Tổ chức trục không gian chính:

- Trục chính phát triển đô thị: Bao gồm các trục đường Quốc lộ 2, đường trục phát triển và tuyến đường nối từ cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang. Định hướng hai bên trục đường hình thành các không gian ở kết hợp thương mại dịch vụ, dịch vụ công cộng đô thị. Các công trình xây dựng tạo điểm nhấn với mặt đứng hiện đại, đảm bảo khoảng cách hành lang an toàn đường. Khuyến khích xây dựng các công trình có khoảng lùi với chi giới đường đỏ, tầng cao xây dựng công trình tối thiểu 3 tầng, hình thái các công trình kiến trúc hài hòa với cảnh quan.

- Vành đai phát triển đô thị: Là các trục đường vành đai kết nối các đơn vị ở trong đô thị, liên kết các khu chức năng trong đô thị. Các công trình hai bên xây dựng tạo sự nhận diện, đặc trưng phù hợp cho từng đơn vị ở, hình thái các công trình kiến trúc hài hòa với cảnh quan.

10.5. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước:

- Tổ chức không gian xanh phải tận dụng, khai thác, lựa chọn đất đai thích hợp, phải kết hợp hài hòa với mặt nước, với môi trường xung quanh, tổ chức thành hệ thống với nhiều dạng phong phú: tuyến, điểm, diện.

- Hình khối, màu sắc, ánh sáng, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình trong công viên phải phù hợp với không gian chung và chức năng sử dụng của công trình.

- Khi thiết kế công viên, vườn hoa phải lựa chọn loại cây trồng thích hợp cho quá trình sinh trưởng không gây độc hại, tạo môi trường thực sự trong lành trong đô thị, giảm áp lực cho các phân khu đô thị lân cận.

- Khai thác cảnh quan cây xanh mặt nước tạo không gian xanh, mặt nước cải tạo môi trường đô thị, góp phần tạo nên bản sắc đô thị.

- Công trình xây dựng mật độ dưới 5%, tầng cao tối đa 01 tầng. Hạn chế xây dựng các công trình có diện tường lớn che khuất tầm nhìn.

- Khu vực cây xanh cách ly quanh cụm công nghiệp đóng vai trò là hành lang an toàn môi trường, hạn chế ảnh hưởng tới khu vực dân cư đô thị.

- Ngoài ra có hệ thống cây xanh sinh thái nông nghiệp, cây xanh sinh thái lâm nghiệp gắn với đồi, núi hoặc với các suối, cây xanh sử dụng hạn chế ven suối (hành lang sinh thái),...

11. Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

11.1. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 2 định hướng nâng cấp cải tạo đoạn trong ranh giới nội thị quy hoạch lộ giới đường 43m, trong đó: Mặt đường mỗi bên rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 2,5m, hành lang an toàn mỗi bên rộng 15m.

- Đường chính đô thị (*Đường trục phát triển thành phố Tuyên Quang đi thị trấn Yên Sơn*): Quy hoạch tuyến đường chính đô thị với lộ giới 60m, trong đó: Mặt đường mỗi bên rộng (8,5 + 7)m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, dải phân cách giữa rộng 3m, dải phân cách hai bên rộng 8m.

b. Giao thông đối nội:

- Đường liên khu vực: Quy hoạch tuyến đường liên khu vực kết nối với xã Trung Môn với tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang với lộ giới 28m, trong đó: Mặt đường mỗi bên rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, dải phân cách rộng 2m.

- Đường chính khu vực: Quy hoạch các tuyến đường chính khu vực có lộ giới 25m, trong đó: Mặt đường mỗi bên rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

- Đường khu vực: Quy hoạch các tuyến đường khu vực với lộ giới từ 17,5-24 m. Tổng chiều dài khoảng 35km.

c. Công trình giao thông:

Bãi đỗ xe: Quy hoạch bãi đỗ xe đô thị với tổng quy mô khoảng 5,25 ha tại trung tâm công cộng, khu dịch vụ, trung tâm TDTT, khu vực công viên cây xanh,...

11.2. Cao độ nền và thoát nước mưa:

- Cao độ xây dựng (H_{xd}) của trung tâm đô thị Trung Môn là 25,60m, đảm bảo phù hợp khớp nối với khu vực lân cận, đặc biệt là thành phố Tuyên Quang.

- Hướng thoát chính: Toàn bộ nước mưa đô thị đổ vào suối Ngòi Là và suối Ngòi Còi, cuối cùng thoát ra sông Lô. Khu vực nghiên cứu được phân chia thành 5 lưu vực:

+ Lưu vực 1: Có diện tích khoảng 92 ha, thoát nước về suối Ngòi Còi, đổ ra sông Lô.

+ Lưu vực 2: Có diện tích khoảng 398 ha, thoát nước về hồ Khuân Lâm.

+ Lưu vực 3: Có diện tích khoảng 267 ha, thoát nước về trục thoát nước chính của trung tâm đô thị mới Trung Môn (đầu nguồn là hồ Khuân Lâm), thoát ra suối Ngòi Là.

+ Lưu vực 4: Có diện tích khoảng 705 ha, thoát nước về hệ thống ao hồ dày đặc trong khu vực, thoát về suối Lá, thoát về suối Ngòi Là.

+ Lưu vực 5: Có diện tích khoảng 475 ha, thoát nước về hồ Ngòi Là 2.

11.3. Cấp nước:

a. Tổng nhu cầu dùng nước:

- Đến năm 2030: 2.181 m³/ngày đêm.

- Đến năm 2045: 3.695 m³/ngày đêm.

b. Định hướng:

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước Tuyên Quang công suất cấp nước đến năm 2030 đạt 70.000 m³/ngày đêm.

c. Mạng lưới cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước cho khu vực thiết kế theo mạng hỗn hợp, gồm mạng lưới vòng và mạng cụt, đảm bảo cấp nước an toàn và linh hoạt.

- Các tuyến ống sử dụng ống có đường kính từ D110 - D200 mm.

- Tuyến ống cấp nước được bố trí dưới hè đường, nằm phía trước các công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước.

d. Cấp nước chữa cháy:

- Trên mạng ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường phố phải bố trí các họng lấy nước chữa cháy (trụ nổi hoặc họng ngầm dưới mặt đất) đảm bảo các quy định về khoảng cách tối đa giữa các họng là 150 m và các quy định về phòng cháy.

- Đường kính ống dẫn nước chữa cháy ngoài nhà phải ≥ 100 mm.

11.4. Cấp điện:

a. Tổng phụ tải điện:

- Đến năm 2030: 11.280 kVA.

- Đến năm 2045: 13.600 kVA.

b. Định hướng:*** Nguồn điện.**

Nguồn điện sẽ đấu nối với đường dây trung áp từ trạm phân phối 110 kV Gò Trầu nằm phía Đông khu vực nghiên cứu.

*** Lưới điện.**

- Lưới điện cao áp: Giai đoạn sau năm 2030 tính toán phương án di dời, nắn chỉnh hướng tuyến của các tuyến điện cao thế 220 kV và 110 kV dọc theo trục đường phát triển đảm bảo mỹ quan chung và tạo quỹ đất phát triển đô thị.

- Lưới điện trung áp: Lưới điện trung áp định hướng phát triển ở cấp điện áp 35 kV, 22 kV, đối với lưới 22 kV ưu tiên xây dựng mới, cải tạo và phát triển ở những khu vực trung tâm có nguồn cấp và được quy hoạch có nguồn cấp 22 kV, từng bước cải tạo lưới điện 35 kV sang 22 kV.

- Lưới điện hạ áp: Khu vực xây dựng mới sử dụng cáp ngầm, các khu vực hiện hữu từng bước hạ ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị.

*** Trạm biến thế, phân phối.**

Giữ nguyên quy mô, công suất trạm biến áp hiện trạng 35/22 kV và xây dựng mới một số trạm biến áp trung áp 22 kV để đáp ứng đủ nhu cầu cấp điện của khu vực và quy hoạch.

11.5. Thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang:**a. Tổng khối lượng nước thải, CTR và nghĩa trang:**

- Tổng lượng nước thải phát sinh đến năm 2045 khoảng 2.955 m³/ngày.
- Tổng lượng CTR phát sinh đến năm 2045 khoảng 13 tấn/ngày.
- Tổng diện tích đất nghĩa trang đến năm 2045 khoảng 36,40 ha.

b. Định hướng thoát nước thải:

- Đối với các khu vực hiện hữu, dân cư hiện trạng:

+ Khu vực có bề rộng hè đường lớn sẽ xây dựng mới đường ống thoát nước thải riêng, thu gom về trạm xử lý.

+ Đối với đường có bề rộng hè nhỏ hoặc không có hè đường thì sử dụng hệ thống thoát nước chung hiện có. Nước thải chảy trong hệ thống thoát nước chung sẽ được đấu nối với hệ thống thoát nước riêng thông qua các ga tách nước thải và nước mưa, rồi dẫn về trạm xử lý nước thải của khu vực.

- Đối với khu vực quy hoạch mới: Thiết kế đường ống thoát nước thải riêng với thoát nước mưa, theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp với bơm chuyển bậc nhằm giảm độ sâu chôn ống. Các bơm chuyển bậc, bơm nước thải đến các vị trí thích hợp rồi nước thải sẽ tự chảy về trạm xử lý khu vực.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất trong khu vực cụm công nghiệp được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải riêng đảm bảo các quy định về an toàn môi trường.

- Quy mô trạm xử lý nước thải được quy hoạch đến năm 2045 với công suất 1.730m³/ngày đêm. Trạm xử lý nước thải trong cụm công nghiệp có công suất đảm bảo theo phương án thiết kế riêng.

c. Định hướng thu gom và xử lý CTR:

- Chất thải rắn phát sinh từ khu ở, các công trình khác được phân loại tại nguồn rồi thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển. Tại trạm trung chuyển, rác thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng cách nén, phân từng loại rác có thể tái chế, rác có thể đốt và rác không đốt được.

- Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển về khu xử lý tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn theo Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế phải được thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.

d. Nghĩa trang và nhà tang lễ:

- Từng bước đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ, tự phát, tiến tới an táng tập trung tại nghĩa trang Trung Môn (nghĩa trang nhân dân tại Km 8 đường Tuyên Quang - Hà Giang). Trồng cây xanh cách ly đối với các nghĩa trang, nghĩa địa hiện hữu trong phạm vi phát triển đô thị.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Trung Môn (nghĩa trang nhân dân tại Km 8 đường Tuyên Quang - Hà Giang) là nghĩa trang tập trung cấp tỉnh theo Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tuyên Quang đảm bảo sự tôn nghiêm, trang trọng và tạo điều kiện cho việc tưởng nhớ, ghi công liệt sĩ.

11.6 Thông tin liên lạc:

- Định hướng: Khu vực nghiên cứu dự kiến sẽ lấy tín hiệu cáp quang trên trục Quốc lộ 2 - nhận tín hiệu từ trung tâm huyện Yên Sơn đến.

+ Chuyển mạch: Nâng cấp tuyến tín hiệu.

+ Truyền dẫn: Nâng cao chất lượng truyền dẫn cáp quang, đầu tư và hoàn thiện các tuyến cáp quang mới.

+ Mạng ngoại vi: Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống hệ thống cống bể.

+ Mạng di động: Sử dụng chung trạm thu phát giữa các nhà mạng, thay thế dần các cột ăng ten công kênh để đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Mạng internet: Sử dụng băng thông rộng, phát triển theo 2 phương thức: nội hạt và mạng không dây.

+ Dịch vụ bưu chính: Tăng cường khả năng phục vụ dịch vụ bưu chính để đáp ứng nhu cầu tăng cao của người dân. Phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính.

11.7 Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Giải pháp quy hoạch:

+ Kiểm soát chất thải (nước thải, rác thải): Thu gom và xử lý đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Kiểm soát hoạt động xây dựng, sản xuất trong quá trình phát triển các khu đô thị. Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển trên địa bàn.

+ Quy hoạch bố trí các khu dân cư nằm trong khu vực an toàn, tránh các vùng có rủi ro sạt lở cao.

- Có chính sách hỗ trợ, tái định cư và xây dựng nhà kiên cố cho các hộ dân khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai (khu vực sạt lở, khu vực ngập lụt,...).

+ Kiểm soát chất thải từ các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất tập trung (nước thải, rác thải, khí thải, tiếng ồn) thải ra đảm bảo các quy định môi trường.

+ Lập kế hoạch bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước trong vùng, bảo vệ chất lượng nguồn nước ngầm, đảm bảo nước sạch vệ sinh môi trường trong khu đô thị.

+ Nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng tham gia giữ gìn vệ sinh. Khuyến khích áp dụng các sáng kiến khoa học công nghệ bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

12. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Thu hút đầu tư xây dựng đô thị mới, xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội tại các đô thị mới. Khu vực ưu tiên xây dựng đô thị mới là: Khu vực trung tâm đô thị, hạ tầng phát triển cụm công nghiệp, hạ tầng phát triển du lịch, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Cụ thể:

+ Phát triển các dự án hạ tầng kỹ thuật khung làm động lực thúc đẩy hình thành các khu vực đô thị, các dự án hạ tầng khung được thực hiện gắn với chương trình triển khai chung của huyện Yên Sơn. Đầu tư xây dựng các khu nhà ở mới đồng bộ với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

+ Khu vực dân cư ở hiện trạng (làng xóm cũ) thực hiện chỉnh trang, cải tạo các công trình kiến trúc kết hợp xây dựng mới và cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

+ Đầu tư xây mới các dự án phát triển thương mại dịch vụ tại khu vực trung tâm đô thị. Hình thành khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng tại phía Tây của đô thị gắn với hồ Ngòi Là.

+ Hình thành các khu dân cư, khu đô thị dọc hai bên tuyến đường trục phát triển mới.

+ Mở rộng quy mô xây dựng Trường Đại học Tân Trào theo hướng đô thị giáo dục đào tạo.

- Nâng cấp, mở rộng các tuyến Quốc lộ 2, đường trục phát triển đô thị, đường kết nối cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, tạo động lực phát triển đô thị. Cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị còn yếu theo các chỉ tiêu về phân loại đô thị.

- Xây dựng khu thể dục thể thao, trung tâm văn hóa, công viên cây xanh mới cho đô thị.

13. Nguồn vốn: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Môn, huyện Yên Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐTXD - H)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn